

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
TS HOÀNG XUÂN BÌNH (Chủ biên)

GIÁO TRÌNH

# KINH TẾ

VĨ MÔ CƠ BẢN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
TS HOÀNG XUÂN BÌNH (Chủ biên)**

# **GIÁO TRÌNH KINH TẾ VĨ MÔ CƠ BẢN**



**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT**

## **TẬP THỂ TÁC GIẢ BIÊN SOẠN**

**TS Hoàng Xuân Bình (Chương 1; Chương 3; Chương 7)**

**TS Nguyễn Thị Thùy Vinh (Chương 9)**

**ThS Hoàng Tuấn Dũng (Chương 6)**

**ThS Phạm Xuân Trường (Chương 8)**

**ThS Lê Phương Thảo Quỳnh (Chương 5)**

**ThS Nguyễn Thị Hiền (Chương 4)**

**ThS Nguyễn Thị Hồng (Chương 2)**

## LỜI NÓI ĐẦU

**K**inh tế học vĩ mô là một nhánh của kinh tế học. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên thế giới có những bất ổn khó lường, việc nắm vững các lý thuyết kinh tế vĩ mô nhằm có thể đưa ra các chính sách kinh tế hiệu quả là điều hết sức quan trọng. Bám sát vào những nội dung của chương trình kinh tế học vĩ mô cơ bản của Việt Nam và tham khảo một số chương trình học của các nước tiên tiến trên thế giới như Anh, Mỹ, Nhật..., chúng tôi biên soạn cuốn giáo trình ***"Giáo trình Kinh tế vĩ mô cơ bản"*** với mục đích giúp các bạn sinh viên hoặc người đọc tiếp cận những lý thuyết kinh tế học vĩ mô cơ bản. Cuốn sách bao gồm 9 chương, gồm nhiều nội dung từ khái niệm, thuật ngữ, công thức tính toán hay những vấn đề chính sách cụ thể. Các vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản được trình bày từ đơn giản đến phức tạp, từ ngắn hạn đến dài hạn, giúp người học vừa nắm được các lý thuyết cơ bản về kinh tế vĩ mô, vừa trang bị các kỹ năng tính toán, tư duy, phân tích mới, từ đó có thể hoàn thành tốt những nội dung được trình bày. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng đưa ra một số tình huống kinh tế cụ thể để làm rõ hơn các nội dung lý thuyết giúp người đọc có thể vận dụng các lý thuyết vào nền kinh tế thực. Do vậy, cuốn sách vừa giúp người đọc có thể trang bị các kiến thức kinh tế vĩ mô cơ bản, vừa có thể bước đầu giúp rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá tình huống, chính sách kinh tế vĩ mô cho người học.

Để hoàn thành được cuốn sách này, các tác giả xin được gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Ngoại thương, Phòng Quản lý khoa học, các đồng nghiệp trong Bộ môn Kinh tế học vĩ mô, Khoa Kinh tế quốc tế. Trong quá trình biên soạn cuốn sách, các tác giả đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp, tuy nhiên chắc chắn cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những góp ý của các độc giả để cuốn sách ngày được hoàn thiện hơn.

Các Tác giả

# MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
<b>CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ.....</b>	<b>7</b>
I. Sự hình thành và phát triển của kinh tế học vĩ mô.....	7
II. Khái niệm về kinh tế học và kinh tế học vĩ mô.....	13
III. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô.....	16
IV. Hệ thống kinh tế học vĩ mô.....	18
V. Mục tiêu và công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô.....	23
<b>CHƯƠNG 2. ĐO LƯỜNG CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ VĨ MÔ.....</b>	<b>31</b>
I. Tổng sản phẩm quốc nội.....	31
II. Các biến vĩ mô khác đo lường sản lượng.....	44
III. Chỉ số giá tiêu dùng.....	48
<b>CHƯƠNG 3. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢ.....</b>	<b>60</b>
I. Thị trường hàng hóa và mô hình giao điểm của Keynes.....	60
II. Chính sách tài khóa.....	78
<b>CHƯƠNG 4. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ.....</b>	<b>92</b>
I. Một số vấn đề cơ bản về tiền tệ.....	92
II. Cung tiền tệ.....	96
III. Cầu tiền tệ.....	107
IV. Cân bằng thị trường tiền tệ.....	111
V. Chính sách tiền tệ.....	114
<b>CHƯƠNG 5. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG.....</b>	<b>125</b>
I. Những đặc điểm cơ bản của biến động kinh tế.....	125
II. Mô hình tổng cầu và tổng cung.....	127

III. Vận dụng mô hình tổng cầu - tổng cung để giải thích biến động kinh tế trong ngắn hạn.....	141
<b>CHƯƠNG 6. THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT</b> .....	154
I. Thất nghiệp.....	154
II. Lạm phát.....	163
III. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp.....	177
<b>CHƯƠNG 7. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</b> .....	188
I. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế.....	189
II. Các yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế.....	192
III. Cơ sở lý thuyết xác định nguồn lực của tăng trưởng kinh tế.....	200
IV. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.....	211
<b>CHƯƠNG 8. TIẾT KIỆM ĐẦU TƯ VÀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH</b> .....	221
I. Giới thiệu tổng quan về hệ thống tài chính.....	222
II. Hạch toán thu nhập quốc dân và các đồng nhất thức.....	237
III. Thị trường vốn vay.....	243
IV. Các chính sách tác động đến tiết kiệm và đầu tư.....	247
<b>CHƯƠNG 9. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ</b> .....	264
I. Cơ sở của thương mại quốc tế.....	264
II. Cán cân thanh toán quốc tế.....	268
III. Tỷ giá hối đoái.....	274
IV. Mô hình kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.....	282
V. Phân tích tác động của các chính sách và cú sốc trong nền kinh tế mở.....	290
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	301

## **GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ**

### **I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ HỌC VĨ MÔ**

#### **1. Giai đoạn 1776 đến 1936**

Tình hình kinh tế chính trị thế giới trong giai đoạn này nổi lên đó là sự cạnh tranh tự do trong nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa. Thị trường được hình thành trên cơ sở có nhiều người mua và nhiều người bán, trong đó thông tin về mặt hàng, giá cả giao dịch... khá đầy đủ do đó sức mạnh thị trường của một hay một số hãng trên thị trường là tương đối nhỏ, điều này dẫn đến việc gia nhập hay rút khỏi thị trường của các hãng là khá dễ dàng. Với đặc điểm đó, vai trò điều tiết thị trường dưới tác động của cung cầu trong nền kinh tế là rất tốt. Một sự tăng giá ở nơi này sẽ được thông tin đến nơi khác có giá thấp hơn, do đó hàng hóa dịch vụ sẽ di chuyển đến nơi có giá cao hơn, kết quả cung tăng giá giảm, còn nơi giá thấp khi cung giảm giá sẽ tăng lên, đảm bảo tính khá ổn định và cân bằng trên thị trường. Hầu hết toàn bộ nền kinh tế hoạt động một cách khá lành mạnh, minh bạch và ổn định. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng những năm 1930 đã tạo ra những thay đổi mới trong nền kinh tế và xã hội các nước tư bản, và dẫn tới những thay đổi trong quan điểm quản lý và điều tiết nền kinh tế.

Có thể nói rằng tác phẩm *Tìm hiểu về bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các quốc gia (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations hay thường có thể viết gọn là The wealth of nations)* của nhà kinh tế học cổ điển người Anh là Adam Smith (1723 - 1790), xuất bản năm 1776 là một bước ngoặt quan trọng trong việc xây dựng và phân tích các vấn đề kinh tế một cách có hệ thống. Quan điểm chủ đạo trong cuốn sách này là thị trường tự do, lấy thị trường là trung tâm điều tiết nền kinh tế. Adam Smith cho rằng thị trường là lực lượng duy nhất có thể điều tiết nền kinh tế, đó chính là bàn tay vô hình (*Invisible Hands*). Ông đã chỉ ra sự tồn tại và tính hiệu quả của bàn tay vô hình là do các quy luật kinh tế khách

quan chi phối các hoạt động trong nền kinh tế và con người. Tuy nhiên để các quy luật kinh tế khách quan có thể vận hành cần phải có một số điều kiện cơ bản như: phải có sự tồn tại của sản xuất và trao đổi hàng hóa; nền kinh tế phải hoạt động trên cơ sở tự do kinh tế và trao đổi hàng hóa; các tác nhân trong trao đổi phải có sự bình đẳng về kinh tế. Chủ nghĩa tư bản (CNTB) là xã hội có thể đáp ứng được các điều kiện đó. CNTB là một xã hội được hình thành và phát triển trên cơ sở các quy luật kinh tế tự nhiên, còn các xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến, hay một số mô hình các nền kinh tế đóng, kinh tế bao cấp ở một số nước xã hội chủ nghĩa (XHCN), hay Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên hiện nay, các quy luật kinh tế khách quan không thể vận hành được. Từ quan điểm đó, Adam Smith cho rằng Nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế mà chỉ nên có các chức năng là bảo vệ quyền sở hữu tư bản, đấu tranh chống kẻ thù bên ngoài và các phần tử tội phạm trong nước. Mặc dù vậy, ông cũng cho rằng, trong một số trường hợp, một số vấn đề kinh tế vượt quá khả năng của doanh nghiệp như xây dựng đường xá, đào sông, xây dựng các công trình công cộng khác, Nhà nước nên có vai trò trong những vấn đề đó.

Có thể nói tác phẩm của Adam Smith đã đặt nền móng cho tư tưởng của kinh tế cổ điển, mà tại đó vai trò của thị trường được đề cao, nghiên cứu được đề cập ở đây là dài hạn và tập trung vào các lực lượng cung sản xuất hàng hóa. Trong giai đoạn này, các nhà kinh tế chú ý đến phân tích và nghiên cứu nền kinh tế thông qua hoạt động trao đổi, lưu thông... Các tác nhân trong nền kinh tế là các hãng, doanh nghiệp được phân tích để rút ra kết luận chung áp dụng cho các hãng và doanh nghiệp khác. Như vậy, cách tiếp cận và phân tích các tác nhân trong nền kinh tế như vậy gắn với kinh tế học vi mô ngày nay.

## **2. Giai đoạn 1936 đến 1971**

Đặc điểm kinh tế thế giới giai đoạn này là sau khủng hoảng kinh tế những năm 1929 - 1933, nền kinh tế các nước CNTB bước sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền. Nguyên nhân của bước chuyển trong các nước TBCN xuất phát từ một số nguyên nhân sau đây.

*Thứ nhất*, trong quá trình tự do cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà tư bản, theo nguyên lý bàn tay hữu hình, các nhà tư bản có lợi thế về tư bản, lực lượng sản xuất và trình độ kỹ thuật cao sẽ có lợi thế so với các nhà tư



bản khác và cuối cùng trong sự cạnh tranh đó, họ sẽ giành chiến thắng. Các hãng nhỏ sẽ bị thu tóm, buộc phải sáp nhập hay bị phá sản. Điều này hiện nay cũng diễn ra ở một số nền kinh tế chuyển đổi khi mà giai đoạn ồ ạt xuất hiện của các doanh nghiệp, ngân hàng, sau đó dẫn đến sự cạnh tranh, mặc dù có sự điều tiết của Chính phủ, nhưng quy luật kinh tế là khó tránh khỏi khi mà các doanh nghiệp lớn có lợi thế về vốn và công nghệ sẽ chiến thắng và việc sáp nhập, thu tóm hay phá sản là không thể tránh khỏi.

*Thứ hai*, ở giai đoạn này những thành tựu về khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, các hãng tư bản cần có một lượng tư bản lớn mà việc dựa vào nguồn vốn và tiềm lực của bản thân là khó có thể thực hiện được. Xu thế buộc các hãng tư bản phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ công nghệ. Nếu không cải tiến kỹ thuật, họ sẽ bị đánh bại và bị tư bản lớn thôn tính hoặc phải chung vốn để hình thành các công ty cổ phần, nhờ đó, làm cho sự tập trung sản xuất tăng lên. Do đó, khi tập trung sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định thì tự nó dẫn đến độc quyền. Như vậy, sự phát triển của lực lượng sản xuất và những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật, đã thúc đẩy tích tụ tư bản và dẫn tới độc quyền.

*Thứ ba*, khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 cũng là một tác nhân quan trọng trong việc thúc đẩy việc phá sản, sáp nhập, thu tóm dẫn tới tích tụ và tập trung sản xuất. Thực tế, trong cuộc khủng hoảng, các công ty nhỏ không thể trụ vững, các công ty lớn có khả năng chống đỡ và do đó có cơ hội để thu tóm hay mua lại, và trở thành các tập đoàn kinh tế lớn. Đặc điểm của cuộc khủng hoảng lần này là sản xuất "thừa". Cụ thể, khi hàng hóa sản xuất ra mà không tiêu thụ được, dẫn tới giá giảm, sản xuất bị thu hẹp do lợi nhuận giảm, thất nghiệp gia tăng, cầu tiêu dùng lại càng giảm xuống, tình trạng dư thừa hàng hóa trên thị trường lại càng tăng. Điều này là vòng xoáy luẩn quẩn của thị trường, dẫn tới sự rối loạn của nền kinh tế khi doanh nghiệp bị đóng cửa hàng loạt, thất nghiệp gia tăng từng ngày. Nền kinh tế có tình trạng "dư thừa" hàng hóa, dư thừa ở đây không phải là sản xuất thừa so với nhu cầu của xã hội, mà nhiều hơn so với cầu có khả năng chi trả của người dân. Do đó, khi khủng hoảng thừa xảy ra, vẫn có nhiều người phải chịu đói, rét, trong khi lương thực và than đá đang dư thừa. Trong xã hội TBCN, sản xuất được xã hội hóa cao độ, thì khủng hoảng càng rất dễ xảy ra. Khi khủng hoảng xảy ra thì hệ quả là sản xuất và lưu thông tư bản chủ nghĩa giảm sút rất nhiều. Hoạt động sản xuất bị ngưng trệ, nhiều nhà máy thậm chí

phải đóng cửa, quy mô sản xuất bị thu hẹp, thất nghiệp gia tăng, giá hàng hóa dịch vụ giảm xuống, khối lượng mậu dịch trong và ngoài nước bị thu hẹp, nhiều ngân hàng phải đóng cửa, giá cả cổ phiếu hạ thấp, nhiều doanh nghiệp, chủ yếu các doanh nghiệp vừa và nhỏ bị phá sản...

Cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 cho thấy những khiếm khuyết mà cơ chế thị trường tự do theo quan điểm của Adam Smith không thể điều tiết và kiểm soát được một cách có hiệu quả. Những bất ổn kinh tế xảy ra cùng với cuộc khủng hoảng thừa mà tại đó, cung hàng hóa dịch vụ, thậm chí hàng hóa được sản xuất tràn lan vẫn không giải quyết được do cầu không có, thậm chí các hãng sản xuất đã tiêu hủy rất nhiều hàng hóa dịch vụ, kể cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, nhiều lò nấu sắt ở Mỹ, Anh, Đức và Pháp đã phải phá bỏ. Những thực tế kinh tế xã hội với các cơ sở lý thuyết chỉ dựa vào sự điều tiết của quy luật cung cầu, và lý luận về thị trường tự do điều tiết hiệu quả trở nên thất bại trong việc giải quyết khủng hoảng.

Trước những thất bại của quan điểm thị trường tự do điều tiết kinh tế, thể hiện rõ nhất là cuộc khủng hoảng “thừa” 1929 - 1933. Năm 1936, lý thuyết về đề cao vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết nền kinh tế được nhà kinh tế học người Anh là Jonh Maynard Keynes (1884 - 1946) thể hiện trong tác phẩm *“Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ”*<sup>1</sup>. Tác phẩm này đi sâu phân tích rõ nguyên nhân khủng hoảng kinh tế và biện pháp giải quyết khủng hoảng trong đó đề cao vai trò chủ động của Chính phủ trong việc điều tiết tổng cầu. Tư tưởng chính của ông là đề cao vai trò của Nhà nước trong điều tiết nền kinh tế.

J.M. Keynes cho rằng khủng hoảng, thất nghiệp đã xảy ra không phải là lỗi trong hệ thống CNTB mà là do các chính sách kinh tế không hợp lý, đã lạc hậu, đặc biệt thiếu sự can thiệp cần thiết của Nhà nước. Ông không đồng ý với quan điểm của trường phái cổ điển về vai trò của bàn tay vô hình, hay thị trường điều tiết mang đến sự cân bằng cho nền kinh tế, mà theo ông để có được sự cân bằng trên thị trường cần thiết phải có vai trò điều tiết của Nhà nước. Khác với quan điểm cổ điển và tiếp cận từ phía cung và trong dài hạn, lý thuyết Keynes tiếp cận tổng cầu và tập trung trong ngắn hạn. Ở đây ông cũng chỉ ra rằng, trong những biến động kinh tế theo kiểu chu kỳ, vai trò của Nhà nước là đặc biệt quan trọng nhằm làm cho nền kinh tế nếu có biến động cũng phải trong tầm kiểm soát. Vai trò điều tiết của Nhà

<sup>1</sup> Nguyên bản tên tiếng Anh là: *The General Theory of Employment, Interest and Money*